

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ - ST
Ngày 24 - 02 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quốc Phòng và bà Nguyễn Thị Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 78/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/02/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Như P, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa - nguyên đơn - chị Hoàng Thị Như P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh T kết hôn vào 09/9/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc, cho đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, tranh cãi lẫn nhau, anh T ngày càng bộc lộ sự độc đoán, gia trưởng; bên cạnh đó còn ghen tuông vô cớ, không tin tưởng chị, thường hay chửi bới, xúc phạm chị. Do vậy, càng ngày hai vợ chồng càng xa cách, mặc dù hai bên đã cố gắng dàn xếp, chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội để thay đổi nhưng vẫn không thể cải thiện được tình hình. Nay xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, vì vậy, chị làm đơn xin ly hôn với anh T.

Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn An B, sinh ngày 08/02/2017 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 05/01/2012. Sau khi ly hôn, chị mong muốn được trực tiếp

nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án - bị đơn - anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh và chị P yêu nhau và tiến tới hôn nhân đúng như chị P trình bày. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên hiểu lầm nhau. Anh cũng thấy mâu thuẫn hiện tại đã nghiêm trọng. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì anh thương các con, muốn vợ bỏ qua mọi chuyện không hay để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau, cùng nuôi dạy, chăm sóc con trưởng thành. Vợ chồng có 02 con chung như chị P đã trình bày, nếu phải ly hôn, anh nhất trí giao con Nguyễn An B, sinh ngày 08/02/2017 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, còn anh trực tiếp nuôi con Nguyễn Bình A, sinh ngày 05/01/2012, cả anh và chị P đều không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh nhất trí như trình bày của chị P là anh chị đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến của cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 05/01/2012 cháu có nguyện vọng nếu bố mẹ cháu là Hoàng Thị Như P và Nguyễn Minh T ly hôn thì cháu muốn được sống với bố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện chị Hoàng Thị Như P, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; anh T có nơi cư trú là Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Nguyễn Minh T vắng mặt không có lý do, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Chị Hoàng Thị Như P và anh Nguyễn Như Thường đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 09/9/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tương đối hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đó kéo dài cho đến nay. Mặc dù đã cố gắng níu kéo nhưng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chị P phải yêu cầu ly hôn với anh T. Quá trình làm việc tại Tòa án, mặc dù không đồng ý ly hôn với chị P vì muốn đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con nhưng anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức độ nghiêm trọng. Theo trình bày của chị P thì sau khi xảy ra mâu thuẫn, hai bên cũng đã cố gắng bàn bạc, hoà giải nhiều lần nhưng không thay đổi được tình hình. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy tình cảm vợ chồng của chị P và anh T đã thực sự không

còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận xử cho chị P, anh T ly hôn là phù hợp.

Về con chung: Quá trình chuẩn bị xét xử, chị P và anh T đã thỏa thuận giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn An B; giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Bình A. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị P lại mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con. Qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng về nuôi con của cả hai bên đều là chính đáng. Tuy nhiên, nguyện vọng được nuôi con của anh T cũng phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và phù hợp với nguyện vọng của con Nguyễn Bình A là mong muốn được sống với bố. Vì vậy, cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao chị Phương nuôi dưỡng con Nguyễn An B, giao anh T nuôi dưỡng con Nguyễn Bình A là phù hợp. Chị P và anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung: Hai bên thống nhất trình bày đã tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Hoàng Thị Như P phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Như P, xử cho chị Hoàng Thị Như P được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn An B, sinh ngày 08/02/2017 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn Bình A, sinh ngày 05/01/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P và anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị Như P và anh Nguyễn Minh T thống nhất trình bày vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Chị Hoàng Thị Như P phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002584 ngày 04 tháng 10 năm 2022). Chị P đã nộp đủ án phí vụ kiện.

5. Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bồ Trạch;
 - Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
 - TAND tỉnh Quảng Bình;
 - Các đương sự;
 - UBND xã V
- (GCNKH số: 62, ngày 09/9/2011);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

